

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 1649 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 15/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 212/TTr-SNV ngày 03/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Huyện, thị, thành ủy, Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số: 1649 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khả năng quản lý của chính quyền cơ sở. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã gắn với việc mở rộng, thành lập đơn vị hành chính đô thị nhằm tăng tỷ lệ đô thị hóa; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Hoàn thành sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% cả hai tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và dân số.

Sắp xếp một số xã, khu dân cư vào phường, thị trấn theo nhiệm vụ phát triển đô thị, góp phần tăng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh.

Hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giảm 10% so với hiện nay; xong trước ngày 01/12/2019.

2. Nguyên tắc

2.1. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thì các đơn vị hành chính được sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên hoặc nhập 02 đơn vị hành chính cùng cấp nhưng do yếu tố đặc thù mà không thể nhập thêm đơn vị hành chính khác liền kề.

2.2. Khi nhập xã hoặc điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên, dân số của xã vào phường, thị trấn liền kề để giảm đơn vị hành chính và hình thành đơn vị

hành chính đáp ứng đủ tiêu chuẩn tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì không xem xét điều kiện về sự phù hợp với định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và tiêu chuẩn về cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, đối với đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau khi sắp xếp.

2.3. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ tổ chức chính trị - xã hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức ngành dọc cấp trên theo thẩm quyền.

2.4. Tên của đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp phải phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, định hướng phát triển, do huyện quyết định trên cơ sở thống nhất của nhân dân; được viết bằng 2 chữ tiếng Việt và không được trùng với tên của các đơn vị hành chính cấp xã khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện; ưu tiên sử dụng tên truyền thống trước đây; tên gắn với chữ đầu hoặc chữ cuối của đơn vị hành chính cấp huyện.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Sắp xếp 143 xã, phường, thị trấn thành 67 xã, phường, thị trấn, giảm 76 đơn vị (11,9%) và thành lập thị trấn trên cơ sở nguyên trạng xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn (đã đảm bảo tiêu chuẩn thành lập theo quy định). Sau khi sắp xếp, toàn tỉnh có 559 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 496 xã, 34 phường, 29 thị trấn. Cụ thể phương án sắp xếp của các huyện, thị xã, thành phố như sau:

1.1. Thành phố Thanh Hóa: Sắp xếp 06 phường, xã thành 03 phường, xã. Sau khi sắp xếp, còn 34 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 14 xã, 20 phường.

1.2. Thành phố Sầm Sơn: Không thuộc diện sắp xếp, có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 03 xã, 08 phường.

1.3. Thị xã Bỉm Sơn: Sắp xếp 02 phường, xã thành 01 phường. Sau khi sắp xếp, còn 07 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 01 xã, 06 phường.

1.4. Huyện Hà Trung: Sắp xếp 10 xã, thị trấn thành 05 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 20 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 19 xã, 01 thị trấn.

1.5. Huyện Nga Sơn: Sắp xếp 05 xã, thị trấn thành 02 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 24 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 23 xã, 01 thị trấn.

1.6. Huyện Hậu Lộc: Sắp xếp 07 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 23 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 22 xã, 01 thị trấn.

1.7. Huyện Hoảng Hóa: Sắp xếp 11 xã, thị trấn thành 05 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 37 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 36 xã, 01 thị trấn.

1.8. Huyện Quảng Xương: Sắp xếp 07 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 26 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 25 xã, 01 thị trấn.

1.9. Huyện Tĩnh Gia: Sắp xếp 06 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 31 đơn vị hành chính, gồm: 30 xã, 01 thị trấn.

1.10. Huyện Nông Cống: Sắp xếp 06 xã thành 03 xã. Sau khi sắp xếp, còn 29 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 28 xã, 01 thị trấn.

1.11. Huyện Đông Sơn: Sắp xếp 02 xã thành 01 xã. Sau khi sắp xếp, còn 14 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 13 xã, 01 thị trấn.

1.12. Huyện Thiệu Hóa: Sắp xếp 06 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 25 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 24 xã, 01 thị trấn.

1.13. Huyện Yên Định: Sắp xếp 06 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 26 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 24 xã, 02 thị trấn.

1.14. Huyện Vĩnh Lộc: Sắp xếp 06 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 13 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 12 xã, 01 thị trấn.

1.15. Huyện Triệu Sơn: Sắp xếp 03 xã, thị trấn thành 01 thị trấn; thành lập 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 34 đơn vị hành chính, gồm: 32 xã, 02 thị trấn.

1.16. Huyện Thọ Xuân: Sắp xếp 20 xã, thị trấn thành 09 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 30 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 27 xã, 03 thị trấn.

1.17. Huyện Mường Lát: Sắp xếp 02 xã, thị trấn thành 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 08 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 07 xã, 01 thị trấn.

1.18. Huyện Quan Sơn: Sắp xếp 02 xã, thị trấn thành 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 12 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 11 xã, 01 thị trấn.

1.19. Huyện Quan Hóa: Sắp xếp 06 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 15 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 14 xã, 01 thị trấn.

1.20. Huyện Bá Thước: Sắp xếp 03 xã, thị trấn thành 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 21 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 20 xã, 01 thị trấn.

1.21. Huyện Lang Chánh: Sắp xếp 02 xã, thị trấn thành 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 10 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 09 xã, 01 thị trấn.

1.22. Huyện Ngọc Lặc: Sắp xếp 02 xã, thị trấn và điều chỉnh một phần địa giới hành chính của 02 xã thành 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 21 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 20 xã, 01 thị trấn.

1.23. Huyện Thạch Thành: Sắp xếp 06 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 25 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 23 xã, 02 thị trấn.

1.24. Huyện Cẩm Thủy: Sắp xếp 05 xã, thị trấn và điều chỉnh một phần địa giới hành chính của 01 xã thành 02 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 16 xã, 01 thị trấn.

1.25. Huyện Như Thanh: Sắp xếp 06 xã, thị trấn thành 03 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 14 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 13 xã, 01 thị trấn.

1.26. Huyện Như Xuân: Sắp xếp 04 xã, thị trấn thành 02 xã, thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 16 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 15 xã, 01 thị trấn.

1.27. Huyện Thường Xuân: Sắp xếp 02 xã, thị trấn thành 01 thị trấn. Sau khi sắp xếp, còn 16 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: 15 xã, 01 thị trấn.

(có Bảng tổng hợp kèm theo).

2. Giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cấp xã và các đơn vị sự nghiệp

2.1. Giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cấp xã:

2.1.1. Tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức khác:

a) Tổ chức Đảng:

Đảng bộ của đơn vị hành chính cấp xã mới sắp xếp tương ứng với đơn vị hành chính mới. Ban Thường vụ huyện, thị, thành ủy chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy của đơn vị hành chính cấp xã mới.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc:

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện hiệp y thống nhất với Đảng ủy cấp xã quyết định thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của đơn vị hành chính cấp xã mới; công nhận danh sách Ủy viên Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (lâm thời).

c) Các Đoàn thể chính trị - xã hội:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của đơn vị hành chính cấp xã mới sắp xếp tương ứng với đơn vị hành chính mới. Ban Thường vụ huyện, thị, thành đoàn chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của đơn vị hành chính cấp xã mới.

Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh của đơn vị hành chính cấp xã mới sắp xếp tương ứng với đơn vị hành chính mới. Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch tổ chức hội của đơn vị hành chính cấp xã mới.

2.1.2. Tổ chức chính quyền địa phương:

a) Đại biểu HĐND của các đơn vị hành chính cấp xã trước khi sắp xếp hợp thành HĐND của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết

nhiệm kỳ 2016 - 2021 theo quy định tại Điều 134, Điều 137 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. HĐND đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi sắp xếp bầu Thường trực HĐND, Ban của HĐND.

b) UBND đơn vị hành chính cấp xã mới do HĐND bầu ra theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2.1.3. Tổ chức đơn vị sự nghiệp trường học, trạm y tế:

a) Ổn định tổ chức các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi sắp xếp để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học; nghiên cứu, điều chỉnh đề án sắp xếp các trường học trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện cho phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

b) Nhập nguyên trạng Trạm y tế cấp xã nhưng vẫn duy trì các hoạt động khám, chữa bệnh tại các vị trí cũ. Sau khi thành lập mới, Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã phối hợp với Trung tâm y tế cấp huyện xem xét việc bố trí cơ sở khám, chữa bệnh để phục vụ nhân dân thuận lợi nhất (phương án nhập từng Trạm y tế do Trung tâm y tế cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định).

2.2. Giải pháp bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã:

2.2.1. Cán bộ cấp xã:

a) Bố trí tối đa 12 người cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi sắp xếp để đảm nhiệm 11 chức vụ cán bộ như sau:

- (1) Bí thư Đảng ủy: 01 người.
 - (2) Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.
 - (3) Chủ tịch HĐND: 01 người.
 - (4) Phó Chủ tịch HĐND: 01 người.
 - (5) Chủ tịch UBND: 01 người.
 - (6) Phó Chủ tịch UBND: 02 người (đối với cấp xã loại 1); 01 người (đối với cấp xã loại 2, loại 3).
 - (7) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 01 người.
 - (8) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.
 - (9) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ: 01 người.
 - (10) Chủ tịch Hội Nông dân: 01 người.
 - (11) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 01 người.
- b) Sắp xếp, bố trí số dôi dư trong giai đoạn 2020 - 2025 như sau:
- (1) Bố trí, sắp xếp đến các đơn vị cấp xã còn thiếu.

- (2) Tiếp nhận, bố trí làm công chức cấp xã.
- (3) Tuyển dụng làm công chức cấp huyện.
- (4) Tuyển dụng làm viên chức ở đơn vị sự nghiệp.
- (5) Nghỉ hưu theo quy định.
- (6) Thực hiện tinh giản (nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân).

2.2.2. Công chức cấp xã:

a) Nhập nguyên trạng đội ngũ công chức cấp xã, số dôi dư dự kiến sắp xếp, bố trí trong giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

- (1) Điều động đến các đơn vị cấp xã còn thiếu.
- (2) Tuyển dụng làm công chức cấp huyện.
- (3) Tuyển dụng làm viên chức ở đơn vị sự nghiệp.
- (4) Nghỉ hưu theo quy định.
- (5) Thực hiện tinh giản (nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân).

2.2.3. Số lượng người hoạt động không chuyên trách tại các đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp bố trí đúng theo quy định.

2.3. Giải pháp sử dụng cơ sở vật chất, công sở làm việc:

Không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa công sở, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi sắp xếp (trừ các công trình đã triển khai thực hiện hoặc công trình thuộc các xã dự kiến sẽ thành lập phường trên cơ sở nguyên trạng). UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định sử dụng công sở sau khi tham khảo ý kiến của UBND cấp xã, đảm bảo sử dụng tất cả cơ sở vật chất phục vụ công việc của địa phương, tạo thuận lợi cho giao dịch hành chính của nhân dân.

2.4. Giải pháp về chính sách hỗ trợ:

2.4.1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Cán bộ, công chức cấp xã thôi việc do dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; trừ các trường hợp: nghỉ hưu, cán bộ cấp xã bị cách chức, bãi nhiệm không tiếp tục bố trí công tác, công chức cấp xã bị kỷ luật buộc thôi việc.

b) Viên chức đơn vị sự nghiệp (trường học, trạm y tế) thôi việc do dôi dư khi sắp xếp cơ quan, đơn vị tại các đơn vị hành chính thuộc phạm vi sắp xếp, trừ các trường hợp nghỉ hưu, bị kỷ luật buộc thôi việc.

c) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi đảm nhiệm chức danh do dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

2.4.2. Mức hỗ trợ:

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã, viên chức thôi việc do dôi dư, ngoài hưởng các chính sách về chế độ thôi việc, tinh giản biên chế và các chính sách khác... theo quy định của pháp luật thì được hưởng thêm trợ cấp một lần bằng 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội từ nguồn ngân sách tỉnh.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính được hỗ trợ một lần bằng 03 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc; trường hợp có thời gian đảm nhiệm chức danh từ đủ 30 tháng trở lên thì được hỗ trợ thêm 01 tháng phụ cấp của chức danh trước khi nghỉ việc.

2.5. Giải pháp chuyển đổi một số loại giấy tờ cơ bản của công dân:

UBND cấp xã mới chỉ đạo, phối hợp với cơ quan công an, tư pháp và các đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức phục vụ tại xã và không thu lệ phí khi cấp đổi sổ hộ khẩu (ngân sách tỉnh hỗ trợ lệ phí đổi sổ).

Đối với các loại giấy tờ còn lại, UBND cấp xã có thông báo, hướng dẫn để người dân chuyển đổi theo quy định (nếu có nhu cầu).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình và thời gian

Lộ trình và thời gian thực hiện theo Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Kinh phí thực hiện

Ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng dôi dư; hỗ trợ cấp đổi sổ hộ khẩu; kinh phí thực hiện việc sắp xếp (lập đề án tổng thể, đề án chi tiết, thông tin tuyên truyền, lấy ý kiến cử tri...).

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Sở Nội vụ: Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện nội dung công việc về sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, đôn đốc, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ; tổ chức thẩm định theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo thời gian, tiến độ đã đề ra; định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính. Tổng hợp, lập đề án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh. Dự toán kinh phí

thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn bàn giao hồ sơ lưu trữ về công tác tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức.

3.2. Sở Xây dựng: Hướng dẫn lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị, phân loại đô thị, đảm bảo tiêu chuẩn đối với việc thành lập đơn vị hành chính đô thị; tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo chức năng của đơn vị và nhiệm vụ được giao.

3.3. Sở Tài chính: Hướng dẫn UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc chuyển giao dự toán, bàn giao nhiệm vụ chi, bàn giao công nợ; tham mưu lập dự toán kinh phí, báo cáo Trung ương bổ sung kinh phí để triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh.

3.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn việc chuyển chủ đầu tư, bàn giao dự án (trong đó nếu dự án đang đầu tư, tập trung hoàn thành xong trước 30/11/2019, sau ngày 30/11/2019 thực hiện bàn giao).

3.5. Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố về công tác quản lý, sử dụng đất đai, việc bàn giao hồ sơ, giấy tờ về công tác địa chính và các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

3.6. Sở Tư pháp hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thực hiện bàn giao hồ sơ, giấy tờ về công tác hộ tịch, chứng thực và các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

3.7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

3.8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa, Báo Văn hóa và Đời sống tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chỉ thị, Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh, để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong quá trình thực hiện sáp nhập các xã, thị trấn.

3.9. Công an tỉnh: Nắm tình hình, diễn biến tư tưởng và đặc biệt là số phần tử chống đối để có phương án đảm bảo an ninh, trật tự; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Công an các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự.

3.10. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh có văn bản hướng dẫn, đồng thời phân công cán bộ xuống các địa phương để chỉ đạo, tuyên truyền cho hội viên và vận động nhân dân hưởng ứng việc sáp nhập thành lập đơn vị mới theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước.

3.11. Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Rà soát, tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo Kế hoạch số 58/KH-UBND

ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh; căn cứ Phương án được UBND tỉnh phê duyệt, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động lập, niêm yết danh sách cử tri, xây dựng đề án chi tiết đối với từng xã, tổ chức lấy ý kiến cử tri và thực hiện các bước công việc theo đúng lộ trình.

3.12. Thành viên Ban Chỉ đạo nắm tình hình triển khai ở các địa phương thuộc phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách và báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc và các vấn đề về an ninh trật tự (nếu có) với Trưởng Ban Chỉ đạo (qua Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, chỉ đạo kịp thời.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí, tiến độ đã đề ra. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

A circular official seal of the Provincial People's Committee is stamped over a handwritten signature. The seal contains the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH' and 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM' around a central emblem. The signature is written in black ink over the seal.

Nguyễn Đình Xứng



TỔNG HỢP

Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 1649/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT		Phương án nhập đơn vị hành chính cấp xã									Để thành lập xã, phường, thị trấn			
		Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Tên xã, phường, thị trấn	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Tên gọi mới	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I		TP Thanh Hóa												
1	1	Xã Đông Hưng	3,99	4.182	Phường An Hoạch	2,55	8.591				Phường An Hưng	6,54	12.773	
2	2	Xã Hoảng Lý	2,90	3.445	Phường Tào Xuyên	2,76	6.928				Phường Tào Xuyên	5,66	10.373	
3	3	Xã Hoảng Long	2,29	3.491	Xã Hoảng Anh	3,50	4.793				Xã Long Anh	5,79	8.284	
II		Thị xã Bỉm Sơn												
1	4	Xã Hà Lan	6,20	3.598	Phường Đông Sơn	14,81	9.418				Phường Đông Sơn	21,02	13.016	
III		Huyện Nga Sơn												
1	5	Xã Nga Linh	5,05	3.791	Xã Nga Nhân	3,49	3.824				Xã mới (chưa đặt tên)	8,54	7.615	
2	6	Xã Nga Mỹ	3,66	4.763	Xã Nga Hưng	2,31	3.513	Thị trấn Nga Sơn	1,11	4.078	Thị trấn Nga Sơn	7,08	12.354	
IV		Huyện Hà Trung												
1	7	Xã Hà Phong	3,08	3.090	Thị trấn Hà Trung	2,03	7.882				Thị trấn Hà Trung	5,12	10.972	
2	8	Xã Hà Ninh	6,51	4.606	Xã Hà Lâm	6,32	3.938				Xã Yên Sơn	12,82	8.544	
3	9	Xã Hà Toại	2,93	2.106	Xã Hà Phú	3,09	3.086				Xã Lĩnh Toại	6,03	5.192	
4	10	Xã Hà Thanh	4,99	2.815	Xã Hà Vân	6,80	4.003				Xã Hoạt Giang	11,80	6.818	
5	11	Xã Hà Yên	3,45	3.990	Xã Hà Dương	4,89	3.549				Xã Yên Dương	8,34	7.539	
V		Huyện Hậu Lộc												
1	12	Xã Châu Lộc	6,73	3.157	Xã Triệu Lộc	9,18	5.128				Xã Triệu Lộc	15,92	8.285	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	13	Xã Văn Lộc	3,22	3.982	Xã Thuận Lộc	3,33	3.739				Xã Thuận Lộc	6,53	7.721	
3	14	Xã Thịnh Lộc	2,54	2.351	Xã Lộc Tân	4,72	4.645	Thị trấn Hậu Lộc	2,63	4.623	Thị trấn Hậu Lộc	9,90	11.619	
VI		Huyện Hoằng Hóa												
1	15	Xã Hoằng Xuân	4,14	3.552	Xã Hoằng Khánh	9,31	4.288				Xã Hoằng Xuân	13,45	7.840	
2	16	Xã Hoằng Sơn	3,33	3.374	Xã Hoằng Lương	2,40	3.216				Xã Hoằng Sơn	5,73	6.590	
3	17	Xã Hoằng Xuyên	3,21	3.306	Xã Hoằng Khê	2,82	2.957				Xã Hoằng Xuyên	6,03	6.263	
4	18	Xã Hoằng Minh	3,73	3.912	Xã Hoằng Đức	3,75	2.739				Xã Hoằng Đức	7,48	6.651	
5	19	Xã Hoằng Phúc	3,04	2.926	Xã Hoằng Vinh	2,79	4.052	Thị trấn Bút Sơn	1,89	4.987	Thị trấn Bút Sơn	7,71	11.965	
VII		Huyện Quảng Xương												
1	20	Xã Quảng Phúc	4,84	2.710	Xã Quảng Vọng	6,94	4.582				Xã mới (chưa đặt tên)	11,78	7.292	
2	21	Xã Quảng Lợi	5,31	7.321	Xã Quảng Lĩnh	5,00	4.147				Xã mới (chưa đặt tên)	10,31	11.468	
3	22	Xã Quảng Tân	6,06	9.908	Xã Quảng Phong	7,42	7.210	Thị trấn Quảng Xương	1,15	3.363	Thị trấn Quảng Xương	14,64	20.481	
VIII		Huyện Nông Cống												
1	23	Xã Trung Ý	2,85	2.371	Xã Trung Chính	5,25	4.754				Xã Trung Chính	8,09	7.125	
2	24	Xã Tế Tân	5,72	3.121	Xã Tế Nông	6,86	5.514				Xã Tế Nông	12,59	8.635	
3	25	Xã Yên Mỹ	10,90	3.039	Xã Công Bình	13,34	5.143				Xã Yên Mỹ	24,24	8.182	
IX		Huyện Tĩnh Gia												
1	26	Xã Hải Ninh	6,14	11.143	Xã Triều Dương	4,00	3.156				Xã Hải Ninh	10,14	14.299	
2	27	Xã Các Sơn	23,93	7.798	Xã Hùng Sơn	12,17	3.406				Xã Các Sơn	36,10	11.204	
3	28	Xã Hải Hòa	6,38	7.275	Thị trấn Tĩnh Gia	1,25	7.171				Thị trấn Tĩnh Gia	7,63	14.446	
X		Huyện Đông Sơn												
1	29	Xã Đông Khê	3,75	3.005	Xã Đông Anh	2,76	3.579				Xã Đông Khê	6,51	6.584	
XI		Huyện Thiệu Hóa												
1	30	Xã Thiệu Minh	4,01	2.862	Xã Thiệu Tâm	6,40	7.591				Xã Minh Tâm	10,42	10.453	
2	31	Xã Thiệu Tân	4,07	2.876	Xã Thiệu Châu	3,34	3.381				Xã Tân Châu	7,41	6.257	
3	32	Xã Thiệu Đô	5,16	8.226	Thị trấn Vạn Hà	5,52	8.859				Thị trấn Thiệu Hóa	10,68	17.085	
XII		Huyện Yên Định												

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	33	Xã Yên Giang	10,48	3.715	Xã Yên Phú	6,00	4.341				Xã Yên Phú (hoặc Phú Giang)	16,48	8.057	
2	34	Xã Yên Bái	5,07	3.809	Xã Yên Trường	3,62	4.428				Xã Yên Trường	8,69	8.237	
3	35	Xã Định Tường	6,76	7.484	Thị trấn Quán Láo	1,48	4.327				Thị trấn Quán Láo	8,24	11.811	
XIII		Huyện Vĩnh Lộc												
1	36	Xã Vĩnh Khang	4,24	3.113	Xã Vĩnh Ninh	6,86	5.795				Xã Ninh Khang	11,10	8.908	
2	37	Xã Vĩnh Minh	6,84	5.427	Xã Vĩnh Tân	6,74	3.027				Xã Minh Tân	13,58	8.454	
3	38	Xã Vĩnh Thành	4,61	5.405	Thị trấn Vĩnh Lộc	0,82	2.642				Thị trấn Vĩnh Lộc	5,43	8.047	
XIV		Huyện Triệu Sơn												
1	39	Xã Minh Dân	3,21	3.744	Xã Minh Châu	3,49	5.113	Thị trấn Triệu Sơn	1,80	7.973	Thị trấn Triệu Sơn	8,49	16.830	
XV		Huyện Thọ Xuân												
1	40	Thị trấn Lam Sơn	3,83	7.634	Xã Xuân Lam	5,08	3.256				Thị trấn Lam Sơn	8,92	10.890	
2	41	Thị trấn Sao Vàng	2,55	3.113	Xã Xuân Thắng	16,14	6.284				Thị trấn Sao Vàng	18,70	9.397	
3	42	Xã Xuân Sơn	13,56	7.075	Xã Xuân Quang	3,81	3.557				Xã Xuân Sinh	17,37	10.632	
4	43	Thị trấn Thọ Xuân	1,52	5.851	Xã Hạnh Phúc	3,26	2.251				Thị trấn Thọ Xuân	4,77	8.102	
5	44	Xã Xuân Khánh	3,52	2.941	Xã Thọ Nguyên	4,97	3.812	Xã Xuân Thành	3,85	3.119	Xã Xuân Hồng	12,33	9.872	
6	45	Xã Xuân Tân	3,69	3.241	Xã Xuân Vinh	5,95	4.732	Xã Thọ Trường	4,10	2.919	Xã Trường Xuân	13,74	10.892	
7	46	Xã Thọ Thắng	2,90	1.451	Xã Xuân Lập	6,23	6.609				Xã Xuân Lập	9,12	8.060	
8	47	Xã Xuân Yên	3,14	3.294	Xã Phú Yên	4,30	4.781				Xã Phú Xuân	7,44	8.075	
9	48	Xã Thọ Minh	5,31	3.375	Xã Xuân Châu	13,31	4.659				Xã Thuận Minh	18,62	8.034	
XVI		Huyện Mường Lát												
1	49	Xã Tén Tàn	120,12	4.319	Thị trấn Mường Lát	9,54	2.499				Thị trấn Mường Lát	129,66	6.818	
XVII		Huyện Quan Hóa												
1	50	Xã Xuân Phú	24,46	1.419	Xã Phú Nghiêm	19,97	1.152				Xã Phú Nghiêm	44,43	2.571	
2	51	Xã Hồi Xuân	68,89	3.454	Thị trấn Quan Hóa	3,92	3.757				Thị trấn Hồi Xuân	72,81	7.211	
3	52	Xã Phú Xuân	24,30	1.885	Xã Thanh Xuân	78,06	2.952				Xã Phú Xuân	102,36	4.837	
XVIII		Huyện Quan Sơn												
1	53	Xã Sơn Lư	45,57	2.866	Thị trấn Quan Sơn	8,44	2.447				Thị trấn Sơn Lư	54,02	5.313	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
XIX		Huyện Lang Chánh												
1	54	Xã Quang Hiến	24,61	4.393	Thị trấn Lang Chánh	2,21	4.952				Thị trấn Lang Chánh	26,82	9.345	
XX		Huyện Bá Thước												
1	55	Xã Tân Lập	13,23	2.755	Xã Lâm Xá	11,16	4.145	Thị trấn Cảnh Nang	0,83	2.792	Thị trấn Cảnh Nang	25,22	9.692	
XXI		Huyện Ngọc Lặc												
1	56	Xã Ngọc Khê	30,80	11.830	Thị trấn Ngọc Lặc	1,73	6.384	Một phần xã: Thúy Sơn, Quang Trung	2,61	3.496	Thị trấn Ngọc Lặc	35,14	21.710	
XXII		Huyện Cẩm Thủy												
1	57	Xã Cẩm Sơn	22,78	5.463	Xã Cẩm Phong	7,93	7.144	Thị trấn Cẩm Thủy	3,71	6.379	Thị trấn Phong Sơn	34,42	18.986	
2	58	Xã Cẩm Tân	6,98	3.371	Xã Phúc Do	5,61	1.528	Một phần xã Cẩm Vân	2,42	1.118	Xã Cẩm Tân	15,02	6.017	
XXIII		Huyện Thạch Thành												
1	59	Xã Thành Vân	40,27	6.237	Thị trấn Vân Du	4,21	2.925				Thị trấn Vân Du	44,48	9.162	
2	60	Xã Thạch Tân	5,11	1.913	Xã Thạch Bình	15,30	5.842				Xã Thạch Bình	20,41	7.755	
3	61	Xã Thành Kim	9,27	6.573	Thị trấn Kim Tân	1,49	4.050				Thị trấn Kim Tân	10,76	10.623	
XXIV		Huyện Như Thanh												
1	62	Xã Hải Vân	17,12	4.066	Thị trấn Bến Sung	4,80	6.673				Thị trấn Bến Sung	21,92	10.739	
2	63	Xã Phúc Đường	17,44	2.222	Xã Xuân Phúc	25,06	3.790				Xã Xuân Phúc	42,51	6.012	
3	64	Xã Xuân Thọ	18,91	2.308	Xã Cán Khê	20,38	5.707				Xã Cán Khê	39,29	8.015	
XXV		Huyện Như Xuân												
1	65	Xã Yên Lễ	25,68	4.673	Thị trấn Yên Cát	4,69	4.404				Thị trấn Yên Cát	30,37	9.077	
2	66	Xã Xuân Quý	18,27	2.146	Xã Hóa Quý	26,55	5.193				Xã Hóa Quý	44,82	7.339	
XXVI		Huyện Thường Xuân												
1	67	Xã Xuân Cẩm	46,76	3.999	Thị trấn Thường Xuân	2,77	6.790				Thị trấn Thường Xuân	49,53	10.789	